

Phụ lục 7.1: Quốc lộ 32C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.2, thuộc địa phận phường Vân Phú, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.37, thuộc địa phận phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai.

Tổng chiều dài khoảng 96 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Phú Thọ và Lào Cai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 320 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.688 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.2: Quốc lộ 18C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận phường Móng Cái 3, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 115 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 365 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 900 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.3: Quốc lộ 38B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.37, thuộc địa phận xã Gia Lộc, thành phố Hải Phòng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.12B, thuộc địa phận xã Quỳnh Lưu, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 134 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Hưng Yên và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 574 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.280 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.4: Quốc lộ 31

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

Điểm cuối: tại khu kinh tế cửa khẩu Bản Chắt, thuộc địa phận xã Kiên Mộc, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng chiều dài khoảng 156 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Bắc Ninh và Lạng Sơn.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 519 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.300 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.5: Quốc lộ 32B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.70B, thuộc địa phận xã Xuân Viên, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.37, thuộc địa phận xã Mường Cơi, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 45 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Phú Thọ và Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 157 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.316 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.6: Quốc lộ 2C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.32, thuộc địa phận phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.2, thuộc địa phận xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 313 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ và Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Hà Nội - Lào Cai: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Hà Nội - Lào Cai - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.272 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 10.560 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.7: Quốc lộ 34

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.2, thuộc địa phận phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

Điểm cuối: tại vị trí cửa khẩu Trà Lĩnh, thuộc địa phận xã Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 278 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Tuyên Quang và Cao Bằng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 929 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 13.300 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.8: Quốc lộ 1B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.3, thuộc địa phận phường Quan Triều, tỉnh Thái Nguyên.

Tổng chiều dài khoảng 145 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Thái Nguyên và Lạng Sơn.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 483 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.700 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.9: Quốc lộ 43

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt QL.37, thuộc địa phận xã Gia Phù, tỉnh Sơn La.

Điểm cuối: tại khu kinh tế cửa khẩu Pa Háng, thuộc địa phận xã Lóng Sập, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài tuyến khoảng 115 km. Đi qua địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 361 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.424 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.10: Quốc lộ 4E

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.4, thuộc địa phận xã Lũng Pình, tỉnh Lào Cai.

Điểm cuối: tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, thuộc địa phận xã A Mú Sung, tỉnh Lào Cai.

Tổng chiều dài khoảng 131 km. Đi qua địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 429 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.864 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.11 : Quốc lộ 4H

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.12, thuộc địa phận xã Na Sang, tỉnh Điện Biên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với vành đai 1 (QL.4H2), thuộc địa phận xã Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 152 km. Đi qua địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 370 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.526 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.12: Quốc lộ 4H3

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt QL.4H, thuộc địa phận xã Mường Tè, Lai Châu.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu U Ma Tu Khoòng, thuộc địa phận xã Thu Lũm, Lai Châu.

Tổng chiều dài khoảng 67 km. Đi qua địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 212 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.876 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.13: Quốc lộ 12D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.12, thuộc địa phận xã Mường Túng, tỉnh Điện Biên.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Nà Búng thuộc địa phận xã Nà Búng, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 126 km. Đi qua địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 417 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.500 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.14: Quốc lộ 279B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.279, thuộc địa phận xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường tỉnh ĐT.141B, thuộc địa phận xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 12 km. Đi qua địa bàn tỉnh Điện Biên,

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 40 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến: đã đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.15: Quốc lộ 279C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.12, thuộc địa phận xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên.

Điểm cuối: nhánh 1: tại khu vực cửa khẩu Huổi Puốc, thuộc địa phận xã Mường Nhà, tỉnh Điện Biên; nhánh 2: tại vị trí giao cắt với QL.4G thuộc địa phận xã Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 128 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Điện Biên và Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 434 ha

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.836 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.16: Quốc lộ 6B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.279, thuộc địa phận xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 33 km. Đi qua địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 111 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 924 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.17: Quốc lộ 279D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.279, thuộc địa phận xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu.

Tổng chiều dài khoảng 104 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Sơn La và Lai Châu

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4 Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến : khoảng 333 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.940 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.18: Quốc lộ 6C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận xã Chiềng Hặc, tỉnh Sơn La.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 70 km. Đi qua địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 222 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.960 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.19: Quốc lộ 32D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, thuộc địa phận xã Mậu A, tỉnh Lào Cai.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.70B, thuộc địa phận phường Tân Hoà, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 284 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Lào Cai, Sơn La và Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4 Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 901 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.952 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.20: Quốc lộ 70B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.70, thuộc địa phận xã Tây Cốc, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường tỉnh ĐT.433, thuộc địa phận phường Tân Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 142 km. Đi qua địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 463 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.912 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.21: Quốc lộ 2D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.32C, thuộc địa phận phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.2C, thuộc địa phận xã Thái Hoà, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 231 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Phú Thọ, Lào Cai và Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 769 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.440 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.22: Quốc lộ 34B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cửa khẩu Đức Long, thuộc địa phận xã Đức Long, tỉnh Cao Bằng.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.3, thuộc địa phận xã Nguyễn Huệ, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 61 km. Đi qua địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Hướng tuyến

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản..

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 261 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.930 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.23: Quốc lộ 280

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.279, thuộc địa phận xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.4C, thuộc địa phận xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 188 km. Đi qua địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 593 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.236 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.24: Quốc lộ 3C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.3, thuộc địa phận xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.34, thuộc địa phận xã Hưng Đạo, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 182 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Thái Nguyên và Cao Bằng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 613 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.572 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.25: Đường nối cột cờ Lũng Cú

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.4C, thuộc địa phận xã Sà Phìn, tỉnh Tuyên Quang.

Điểm cuối: tại khu vực cột cờ Lũng Cú thuộc địa phận xã Lũng Cú, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 26 km. Đi qua địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 82 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến: đã đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.26: Quốc lộ 17B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.5, thuộc địa phận phường An Hải, thành phố Hải Phòng.

Tổng chiều dài tuyến khoảng 42 km. Đi qua địa bàn thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 161 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 350 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.27: Quốc lộ 18B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận xã Quảng Đức, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Bắc Phong Sinh, thuộc địa phận xã Quảng Đức, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 17 km. Đi qua địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 53 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến: đã đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.28: Quốc lộ 17

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.5, thuộc địa phận xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1B, thuộc địa phận phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên.

Tổng chiều dài khoảng 143 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Bắc Ninh và Thái Nguyên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 624 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 3.936 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.29: Quốc lộ 37C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.37B, thuộc địa phận xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã An Bình, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 68 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Ninh Bình và Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 225 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.800 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.30: Quốc lộ 6D

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận xã Cao Phong, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.21, thuộc địa phận xã Lạc Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 74 km. Đi qua địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 241 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 2.128 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.31: Quốc lộ 39B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.38, thuộc địa phận xã Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.21, thuộc địa phận xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 80 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Hưng Yên và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 343 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.700 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.32: Quốc lộ 3E

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.1B, thuộc địa phận xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.4A, thuộc địa phận xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng chiều dài khoảng 54 km. Đi qua địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 172 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 918 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.33: Quốc lộ 38C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận xã Đại Xuyên, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.39B, thuộc địa phận xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên.

Tổng chiều dài khoảng 28 km. Đi qua địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Hưng Yên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 121 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.400 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 7.34: Quốc lộ 5C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, thuộc địa phận phường Hải An, thành phố Hải Phòng.

Điểm cuối: tại khu vực cảng Lạch Huyện, thuộc địa phận Đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Tổng chiều dài khoảng 17 km. Đi qua địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 78 ha.

8. Tiến độ thực hiện dự kiến: đã đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).